

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT**ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 22/2025/QĐ-CTUBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 10 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành quy định về nhiệm vụ, quyền hạn thực hiện các chương trình,
dự án, nhiệm vụ đầu tư công của Thành phố Hồ Chí Minh**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Luật số 90/2025/QH15 ngày 25 tháng 6 năm 2025 sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Đấu thầu; Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư; Luật Hải quan; Luật Thuế giá trị gia tăng; Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu; Luật Đầu tư; Luật Đầu tư công; Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 19 tháng 02 năm 2025; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 85/2025/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Nghị định số 125/2025/NĐ-CP ngày 11 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tài chính;

Căn cứ Nghị định số 140/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính

phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 35/2022/NĐ-CP ngày 28 tháng 5 năm 2022 của Chính phủ quy định về quản lý khu công nghiệp và khu kinh tế;

Căn cứ Nghị định số 208/2025/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ quy định thẩm quyền, trình tự, thủ tục, hồ sơ lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch khảo cổ; quy hoạch, dự án bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh; dự án đầu tư xây dựng, xây dựng công trình, sửa chữa, cải tạo, xây dựng nhà ở riêng lẻ nằm trong, nằm ngoài khu vực bảo vệ di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh, di sản thế giới; dự án đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cấp công trình kiến trúc hạ tầng kỹ thuật và trưng bày bảo tàng công lập;

Theo đề nghị của Sở Tài chính tại Tờ trình số 7768/TTr-STC ngày 30 tháng 9 năm 2025, ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp tại Báo cáo thẩm định số 3285/BC-STP ngày 10 tháng 9 năm 2025;

Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành Quyết định Quy định về nhiệm vụ, quyền hạn thực hiện các chương trình, dự án, nhiệm vụ đầu tư công của Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về nhiệm vụ, quyền hạn thực hiện các chương trình, dự án, nhiệm vụ đầu tư công của Thành phố Hồ Chí Minh (đính kèm).

Điều 2. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 11 năm 2025.

2. Các văn bản sau đây hết hiệu lực kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành:

a) Quyết định số 19/2021/QĐ-UBND ngày 18 tháng 6 năm 2021 của Ủy ban nhân dân Thành phố về ban hành Quy định về nhiệm vụ, quyền hạn thực hiện các chương trình, dự án đầu tư công của Thành phố Hồ Chí Minh.

b) Quyết định số 23/2024/QĐ-UBND ngày 17 tháng 5 năm 2024 của Ủy ban nhân dân Thành phố về điều chỉnh, bổ sung một số điều của Quy định về nhiệm vụ, quyền hạn thực hiện các chương trình, dự án đầu tư công của Thành phố Hồ Chí Minh ban hành kèm theo Quyết định số 19/2021/QĐ-UBND ngày 18 tháng 6 năm 2021 của Ủy ban nhân dân Thành phố.

3. Không tiếp tục áp dụng Điều 1 Quyết định số 1126/QĐ-UBND ngày 19 tháng 8 năm 2025 của Ủy ban nhân dân Thành phố về việc áp dụng Quyết định số 19/2021/QĐ-UBND ngày 18 tháng 6 năm 2021 của Ủy ban nhân dân Thành phố (được sửa đổi, bổ sung tại Quyết định số 23/2024/QĐ-UBND ngày 17 tháng 5 năm 2024) đối với các dự án đầu tư công trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh sau sắp xếp.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Xây dựng, Giám đốc Sở Quy hoạch - Kiến trúc, Giám đốc Sở Công thương, Giám đốc Sở Văn hóa và Thể thao, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường, Giám đốc Sở Tư pháp, Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo, Giám đốc Sở Y tế, Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ, Giám đốc Sở Nội vụ, Giám đốc Kho bạc Nhà nước khu vực II, Thủ trưởng các Sở, Ban ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Bùi Xuân Cường

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY ĐỊNH

Về nhiệm vụ, quyền hạn thực hiện các chương trình,
dự án, nhiệm vụ đầu tư công của Thành phố Hồ Chí Minh
(Ban hành kèm theo Quyết định số 22/2025/QĐ-CTUBND
ngày 17 tháng 10 năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định về nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân liên quan đến việc thực hiện chương trình, dự án, nhiệm vụ đầu tư công của Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Quy định này áp dụng đối với cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân tham gia hoặc có liên quan đến hoạt động đầu tư công, quản lý và sử dụng vốn đầu tư công của Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Các nhiệm vụ, quyền hạn không quy định tại Quy định này, thực hiện theo quy định của Luật Đầu tư công và các quy định pháp luật khác có liên quan.

3. Đối với các dự án thuộc lĩnh vực công nghệ thông tin sử dụng vốn ngân sách Nhà nước, trình tự, thủ tục, hồ sơ lập, thẩm định, quyết định đầu tư và tổ chức quản lý thực hiện theo quy định về quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách Nhà nước và các quy định, hướng dẫn khác có liên quan.

4. Đối với các nhiệm vụ, dự án không phải quyết định chủ trương đầu tư thì không áp dụng các quy định liên quan đến lập, thẩm định Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư, Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi tại Quy định này.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

1. Cơ quan chuyên môn về xây dựng được quy định tại Điều 4 Quy định này là các

cơ quan thực hiện các chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của pháp luật về xây dựng liên quan công tác thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng, Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng được quy định tại Điều 14 Quy định này.

2. *Cơ quan chuyên môn quản lý đầu tư công* xác định theo quy định tại khoản 12 Điều 4 Luật Đầu tư công được quy định tại Điều 5 Quy định này là các cơ quan thực hiện các chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Luật Đầu tư công liên quan công tác tham mưu giao nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư, thẩm định nguồn vốn và khả năng cân đối vốn dự án đầu tư công được quy định tại Điều 8, Điều 11 của Quy định này.

3. *Cơ quan chuyên môn về đầu tư công* được quy định tại Điều 6 Quy định này là các cơ quan thực hiện các chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Luật Đầu tư công liên quan công tác tham mưu xác định cơ quan chủ quản dự án thực hiện trên địa bàn từ 02 đơn vị hành chính trở lên, thẩm định, trình quyết định chủ trương đầu tư, thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi, Báo cáo kinh tế - kỹ thuật, thẩm định, phê duyệt dự toán nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư được quy định tại các Điều 7, 10, 12, 13, 14 Quy định này.

Điều 4. Các cơ quan chuyên môn về xây dựng

1. Các cơ quan chuyên môn về xây dựng thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố bao gồm:

a) Sở Xây dựng đối với dự án, công trình thuộc dự án đầu tư xây dựng dân dụng; dự án đầu tư xây dựng khu đô thị, khu nhà ở; dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu chức năng; dự án đầu tư xây dựng công nghiệp nhẹ, công nghiệp vật liệu xây dựng; dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật, dự án đầu tư xây dựng công trình đường bộ, cầu đường bộ, hầm đường bộ trong đô thị theo địa giới đô thị xác định tại quy hoạch đô thị; dự án, công trình thuộc dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông;

b) Sở Công thương đối với dự án, công trình thuộc dự án đầu tư xây dựng công trình công nghiệp (trừ dự án, công trình do Sở Xây dựng quản lý quy định tại điểm a khoản này);

c) Sở Nông nghiệp và Môi trường đối với dự án, công trình thuộc dự án đầu tư xây dựng công trình phục vụ nông nghiệp và phát triển nông thôn;

d) Ban Quản lý khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế đối với các dự án, công trình được đầu tư xây dựng tại khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế được giao quản lý (Ban Quản lý các Khu chế xuất và công

ng nghiệp, Ban Quản lý Khu Công nghệ cao và Ban Quản lý Khu Nông nghiệp Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh).

2. Ủy ban nhân dân cấp xã giao phòng có chức năng quản lý xây dựng thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã là cơ quan chuyên môn quản lý xây dựng cấp xã.

Điều 5. Các cơ quan chuyên môn quản lý đầu tư công

1. Cơ quan chuyên môn quản lý đầu tư công thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố là Sở Tài chính.

2. Ủy ban nhân dân cấp xã giao phòng có chức năng quản lý đầu tư công thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã là cơ quan chuyên môn quản lý đầu tư công cấp xã.

Điều 6. Cơ quan chuyên môn về đầu tư công, ban quản lý dự án đầu tư công

1. Các cơ quan chuyên môn về đầu tư công thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố bao gồm:

a) Sở Xây dựng đối với chương trình, dự án, nhiệm vụ thuộc lĩnh vực: các hoạt động giao thông; cấp nước, thoát nước; quy hoạch; công trình công cộng tại các đô thị và nông thôn; hạ tầng kỹ thuật khu đô thị; hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị và các tổ chức chính trị - xã hội;

b) Sở Tài chính đối với chương trình, dự án thuộc lĩnh vực: quốc phòng; an ninh và trật tự; tài chính, ngân hàng; các hoạt động cấp vốn điều lệ cho các ngân hàng chính sách, quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách; cấp bù lãi suất tín dụng ưu đãi, phí quản lý; ủy thác vốn qua ngân hàng chính sách xã hội theo quy định của cấp có thẩm quyền; hỗ trợ phát triển doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn; hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa theo quy định của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa; hỗ trợ tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã theo quy định của Luật Hợp tác xã;

c) Sở Công thương đối với chương trình, dự án thuộc lĩnh vực: các hoạt động công nghiệp; thương mại;

d) Sở Nông nghiệp và Môi trường đối với chương trình, dự án thuộc lĩnh vực: môi trường, tài nguyên; các hoạt động nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy lợi, phòng chống thiên tai và thủy sản; cơ sở hỗ trợ hoạt động nông dân;

đ) Sở Y tế đối với chương trình, dự án thuộc lĩnh vực: y tế, dân số và gia đình; xây dựng, cải tạo, nâng cấp các cơ sở chăm sóc người cao tuổi, trẻ em có hoàn cảnh

đặc biệt; cơ sở trợ giúp xã hội khác.

e) Sở Giáo dục và Đào tạo đối với chương trình, dự án thuộc lĩnh vực: giáo dục đào tạo và giáo dục nghề nghiệp;

g) Sở Văn hóa và Thể thao đối với chương trình, dự án thuộc lĩnh vực: văn hóa, thông tin; thể dục, thể thao; phát thanh, truyền hình, thông tấn; kho tàng;

h) Sở Khoa học và Công nghệ đối với chương trình, dự án thuộc lĩnh vực: khoa học, công nghệ; các hoạt động viễn thông; công nghệ thông tin; bưu chính;

i) Sở Du lịch đối với chương trình, dự án thuộc lĩnh vực: các hoạt động du lịch;

k) Sở Nội vụ đối với chương trình, dự án thuộc lĩnh vực: đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cấp cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất, mua sắm trang thiết bị của các cơ sở điều dưỡng, phục hồi chức năng, nuôi dưỡng người có công; hỗ trợ việc làm; nhà lưu trú cho người lao động; xây dựng, cải tạo, nâng cấp, mở rộng các công trình ghi công liệt sĩ; chăm sóc, điều dưỡng sức khỏe người lao động, phòng chống bệnh nghề nghiệp; cơ sở hỗ trợ hoạt động thanh thiếu niên, phụ nữ.

2. Các Ban quản lý dự án đầu tư công chuyên ngành thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố, bao gồm:

a) Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông Thành phố Hồ Chí Minh (trước sắp xếp), Ban Quản lý dự án giao thông khu vực và chuyên ngành nông nghiệp của tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (trước sắp xếp), Ban Quản lý dự án chuyên ngành giao thông và dân dụng của tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (trước sắp xếp), Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông tỉnh Bình Dương (trước sắp xếp) đối với chương trình, dự án thuộc lĩnh vực giao thông, trục đường sắt, đường sắt đô thị quy định điểm b khoản 2 Điều này;

b) Ban Quản lý đường sắt đô thị đối với chương trình, dự án thuộc lĩnh vực giao thông: đường sắt, đường sắt đô thị;

c) Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng hạ tầng đô thị, Ban Quản lý dự án giao thông khu vực và chuyên ngành nông nghiệp của tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (trước sắp xếp), Ban Quản lý dự án chuyên ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn tỉnh Bình Dương (trước sắp xếp), Ban Quản lý dự án chuyên ngành nước thải tỉnh Bình Dương (trước sắp xếp) đối với chương trình, dự án thuộc lĩnh vực: bảo vệ môi trường; các hoạt động kinh tế (cấp nước, thoát nước; quy hoạch; công trình công cộng tại các đô thị và nông thôn; hạ tầng kỹ thuật khu đô thị; nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp,

thủy lợi và thủy sản; công nghiệp; khu công nghiệp và khu kinh tế; thương mại);

d) Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh (trước sắp xếp), Ban Quản lý dự án chuyên ngành giao thông và dân dụng của tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (trước sắp xếp), Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh Bình Dương (trước sắp xếp) đối với chương trình, dự án thuộc lĩnh vực: y tế, dân số và gia đình; giáo dục đào tạo và giáo dục nghề nghiệp; xã hội; văn hóa, thông tin; khoa học, công nghệ; thể dục, thể thao; phát thanh, truyền hình, thông tấn; các hoạt động kinh tế (kho tàng; bưu chính; du lịch; tài chính, ngân hàng; viễn thông; công nghệ thông tin; hỗ trợ phát triển doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn; hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa theo quy định của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa; hỗ trợ tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã theo quy định của Luật Hợp tác xã); hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị và các tổ chức chính trị - xã hội;

đ) Ban Quản lý khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế đối với các dự án, công trình được đầu tư xây dựng tại khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế được giao quản lý (bao gồm Ban quản lý Khu Nông nghiệp công nghệ cao, Ban Quản lý khu công viên lịch sử văn hóa dân tộc, Ban Quản lý phát triển đô thị).

3. Trường hợp dự án liên quan đến nhiều ngành, lĩnh vực khác nhau thuộc phụ trách, quản lý từ 02 cơ quan trở lên theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này, cơ quan chuyên môn về đầu tư công, ban quản lý dự án chuyên ngành đầu tư công được xác định theo ngành, lĩnh vực chiếm tỷ trọng lớn nhất trong tổng mức đầu tư dự án theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 6 Luật Đầu tư công.

4. Ủy ban nhân dân cấp xã giao phòng có chức năng thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã là cơ quan chuyên môn về đầu tư công.

Chương II

LẬP, THẨM ĐỊNH, QUYẾT ĐỊNH CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ

Điều 7. Về xác định cơ quan chủ quản và giao quyết định chủ trương đầu tư dự án thực hiện trên địa bàn từ 02 đơn vị hành chính trở lên

1. Đối với dự án thực hiện trên địa bàn từ 02 đơn vị hành chính cấp tỉnh trở lên: Cơ quan chuyên môn về đầu tư công là cơ quan chủ trì, tham mưu Ủy ban nhân dân

Thành phố thực hiện các trình tự, thủ tục để xác định cơ quan chủ quản thực hiện dự án theo quy định tại Điều 30 của Luật Đầu tư công.

2. Đối với dự án thực hiện trên địa bàn từ 02 đơn vị hành chính cấp xã trở lên:

a) Cơ quan chuyên môn về đầu tư công là cơ quan chủ trì, tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, quyết định giao một Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định chủ trương đầu tư dự án, trừ trường hợp dự án do cấp tỉnh thực hiện.

b) Ủy ban nhân dân cấp xã được giao quyết định chủ trương đầu tư dự án tại điểm a khoản 2 Điều này thực hiện các trình tự, thủ tục quyết định chủ trương đầu tư dự án thực hiện theo quy định tại Điều 28 của Luật Đầu tư công.

Điều 8. Giao nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư để lập Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư, Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi

1. Sở Tài chính tham mưu, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định giao nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư để lập Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư, Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi cho chương trình, dự án sau đây:

a) Chương trình, dự án nhóm A thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư của Hội đồng nhân dân Thành phố;

b) Dự án nhóm B, nhóm C sử dụng vốn đầu tư công từ ngân sách Thành phố, bao gồm cả vốn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp trên;

c) Dự án nhóm B, nhóm C thực hiện trên địa bàn từ 02 đơn vị hành chính cấp tỉnh trở lên do Ủy ban nhân dân Thành phố là cơ quan chủ quản thực hiện dự án theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

2. Cơ quan chuyên môn quản lý đầu tư công thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã tham mưu, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định giao nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư cho đơn vị trực thuộc lập, thẩm định Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư đối với chương trình, dự án nhóm B, C sử dụng vốn đầu tư công ngân sách cấp xã, bao gồm vốn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp trên.

3. Đối với chương trình, dự án sử dụng vốn từ nguồn thu hợp pháp của các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập dành để đầu tư theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị định số 85/2025/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ:

a) Đối với chương trình, dự án của các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công

lập trực thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố: Sở Tài chính là cơ quan tham mưu, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định giao nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư;

b) Đối với chương trình, dự án của các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc cơ quan chuyên môn của Thành phố quản lý: cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố (trực tiếp quản lý đơn vị sự nghiệp công lập) tham mưu, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định giao nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư;

c) Đối với chương trình, dự án của các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã: Ủy ban nhân dân cấp xã giao cơ quan chuyên môn quản lý đầu tư công cấp xã tham mưu, trình quyết định giao nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư.

Điều 9. Nguyên tắc xác định cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư để lập hồ sơ thẩm định Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư, Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi và lập, thẩm định, phê duyệt dự toán nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư

1. Đối với các chương trình, dự án được quy định tại khoản 1 Điều 8 Quy định này, chương trình mục tiêu quốc gia, dự án quan trọng quốc gia, Cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư để lập hồ sơ thẩm định Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư, Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi (bao gồm hồ sơ thẩm định Báo cáo đề xuất điều chỉnh chủ trương đầu tư, Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi điều chỉnh) và thực hiện lập, thẩm định, phê duyệt dự toán nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư được xác định như sau:

a) Đối với các dự án nhóm B, C sử dụng vốn ngân sách Thành phố thực hiện trên địa bàn xã, phường, đặc khu (trừ các dự án thực hiện trên địa bàn từ 02 đơn vị hành chính cấp xã trở lên), Ủy ban nhân dân cấp xã nơi được giao thực hiện dự án được xác định là cơ quan được giao nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư để lập hồ sơ thẩm định Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư.

b) Đối với các dự án nhóm A, nhóm B và nhóm C (bao gồm các dự án thực hiện trên địa bàn từ 02 đơn vị hành chính cấp xã trở lên do Thành phố thực hiện và trừ các dự án được quy định tại điểm a khoản 1 Điều này) do các cơ quan, đơn vị thuộc cấp Thành phố thực hiện, các Ban Quản lý dự án trực thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố là cơ quan được giao nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư để lập hồ sơ thẩm định Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư, Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi theo phạm vi, lĩnh vực phụ

trách.

c) Đối với chương trình mục tiêu quốc gia, dự án quan trọng quốc gia, các Ban Quản lý dự án trực thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố lập Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư (đối với chương trình mục tiêu quốc gia), Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi (đối với dự án quan trọng quốc gia) theo phạm vi, lĩnh vực phụ trách khi được “*cơ quan được giao nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư chương trình, dự án*” giao thực hiện.

d) Đối với các chương trình, dự án không được quy định tại điểm a, b, c khoản 1 Điều này, Sở Tài chính là cơ quan tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định việc giao nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư.

2. Các cơ quan được giao nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư để lập hồ sơ thẩm định Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư, Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi được xác định theo nguyên tắc tại khoản 1 Điều này phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan để thực hiện hiệu quả công tác chuẩn bị đầu tư.

Điều 10. Thẩm định chủ trương đầu tư

1. Đối với chương trình mục tiêu quốc gia, dự án quan trọng quốc gia (trường hợp Ủy ban nhân dân Thành phố được giao nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư); chương trình, dự án nhóm A thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư của Hội đồng nhân dân Thành phố: Hội đồng thẩm định các chương trình, dự án đầu tư công do Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố thành lập tổ chức thẩm định.

2. Đối với dự án nhóm B, nhóm C thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân Thành phố: Sở Tài chính tổ chức thẩm định.

3. Đối với dự án nhóm B, nhóm C sử dụng vốn đầu tư công thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân cấp xã: Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức thực hiện theo quy định tại Điều 28 Luật Đầu tư công.

4. Đối với chương trình, dự án sử dụng vốn từ nguồn thu hợp pháp của các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập dành để đầu tư quy định tại điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị định số 85/2025/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ:

a) Đối với chương trình, dự án của các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố: Cơ quan chuyên môn về đầu tư công thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố thẩm định theo lĩnh vực được quy định tại khoản 1 Điều 6 Quy định này;

b) Đối với chương trình, dự án của các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công

lập trực thuộc các cơ quan chuyên môn của Thành phố quản lý: cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố (trực tiếp quản lý đơn vị sự nghiệp công lập) thẩm định;

c) Đối với chương trình, dự án của cơ quan nhà nước, các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã: Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã thành lập Hội đồng thẩm định hoặc giao đơn vị có chức năng thẩm định theo quy định.

5. Các cơ quan được giao nhiệm vụ thẩm định chủ trương đầu tư tại khoản 1 đến khoản 4 Điều này là cơ quan thẩm định Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi điều chỉnh hoặc Báo cáo đề xuất điều chỉnh chủ trương đầu tư.

Điều 11. Về thẩm định nguồn vốn và khả năng cân đối vốn đối với chương trình, dự án đầu tư công của Thành phố

1. Sở Tài chính tổ chức thẩm định về nguồn vốn và khả năng cân đối vốn cho chương trình, dự án sử dụng vốn đầu tư công ngân sách Thành phố, trừ các chương trình, dự án do Hội đồng thẩm định các chương trình, dự án đầu tư công do Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố thành lập tổ chức thẩm định.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã giao cơ quan chuyên môn quản lý đầu tư công trực thuộc tổ chức thẩm định nguồn vốn và khả năng cân đối vốn đối với chương trình, dự án sử dụng vốn đầu tư công thuộc cấp mình quản lý.

3. Đối với chương trình, dự án sử dụng vốn từ nguồn thu hợp pháp của các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập dành để đầu tư quy định tại điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị định số 85/2025/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ:

a) Đối với chương trình, dự án của các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố: Sở Tài chính là cơ quan thẩm định nguồn vốn và khả năng cân đối vốn;

b) Đối với chương trình, dự án của các cơ quan nhà nước, các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc các cơ quan chuyên môn của Thành phố quản lý: cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố (trực tiếp quản lý đơn vị sự nghiệp công lập) thẩm định nguồn vốn và khả năng cân đối vốn;

c) Đối với chương trình, dự án của các cơ quan nhà nước, các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã: Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã giao cơ quan có chức năng trực thuộc thẩm định nguồn vốn và khả năng cân đối vốn.

Điều 12. Trình quyết định chủ trương đầu tư chương trình, dự án đầu tư

công**1. Đối với chương trình, dự án sử dụng vốn ngân sách:**

a) Đối với chương trình, dự án thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư của Hội đồng nhân dân Thành phố: Cơ quan được giao nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư hoàn chỉnh hồ sơ trình cấp có thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư theo ý kiến của cơ quan thẩm định tại Điều 10 Quy định này, gửi Sở Tài chính để tổng hợp, tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố trình Hội đồng nhân dân Thành phố xem xét, quyết định chủ trương đầu tư;

b) Đối với dự án nhóm B, nhóm C thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân Thành phố: Cơ quan được giao nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư hoàn chỉnh hồ sơ trình cấp có thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư theo ý kiến của cơ quan thẩm định tại Điều 10 Quy định này, gửi cơ quan thẩm định để tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, quyết định chủ trương đầu tư;

c) Đối với dự án thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân cấp xã: Cơ quan được giao nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư hoàn chỉnh lại hồ sơ trình cấp có thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư theo ý kiến của cơ quan thẩm định tại Điều 10 Quy định này, gửi cơ quan chuyên môn quản lý đầu tư công cấp xã để tổng hợp, tham mưu Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định chủ trương đầu tư.

2. Đối với chương trình, dự án sử dụng vốn từ nguồn thu hợp pháp của các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập dành để đầu tư quy định tại điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị định số 85/2025/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ:

a) Đối với chương trình, dự án nhóm A: cơ quan được giao nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư hoàn chỉnh hồ sơ trình cấp có thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư theo ý kiến của cơ quan thẩm định tại Điều 10 Quy định này, gửi Sở Tài chính để tổng hợp, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định chủ trương đầu tư theo quy định;

b) Đối với dự án nhóm B, C của cơ quan nhà nước: phân cấp cho người đứng đầu cơ quan nhà nước đó thực hiện quyết định chủ trương đầu tư. Cơ quan được giao nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư hoàn chỉnh hồ sơ trình cấp có thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư theo ý kiến của cơ quan thẩm định tại Điều 10 Quy định này và trình người đứng đầu cơ quan nhà nước xem xét quyết định chủ trương đầu tư;

c) Đối với dự án nhóm B của đơn vị sự nghiệp công lập: Cơ quan được giao

nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư hoàn chỉnh hồ sơ trình cấp có thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư theo ý kiến của cơ quan thẩm định tại Điều 10 Quy định này, gửi Sở Tài chính để tổng hợp, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét quyết định chủ trương đầu tư;

d) Đối với chương trình, dự án thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã: Cơ quan được giao nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư hoàn chỉnh hồ sơ trình cấp có thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư theo ý kiến của cơ quan thẩm định, gửi cơ quan chuyên môn quản lý đầu tư công cấp xã để tổng hợp, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định chủ trương đầu tư theo quy định.

Chương III

LẬP, THẨM ĐỊNH, QUYẾT ĐỊNH ĐẦU TƯ

Điều 13. Dự toán nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư

1. Đối với chương trình, dự án có cấu phần xây dựng thuộc thẩm quyền quyết định đầu tư của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố: chủ đầu tư (được xác định trong quyết định chủ trương đầu tư của cấp có thẩm quyền hoặc quyết định giao nhiệm vụ của Ủy ban nhân dân Thành phố) chịu trách nhiệm tổ chức lập, thẩm định và phê duyệt dự toán nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư theo quy định tại Điều 10 Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ.

2. Đối với chương trình, dự án không có cấu phần xây dựng thuộc thẩm quyền quyết định đầu tư của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố:

a) Phân cấp cho người đứng đầu cơ quan chuyên môn về đầu tư công tổ chức thẩm định, phê duyệt dự toán nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư các chương trình, dự án không có cấu phần xây dựng theo lĩnh vực được quy định tại khoản 1 Điều 6 Quy định này;

b) Sở Tài chính tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố thành lập Hội đồng thẩm định để tổ chức thẩm định dự toán nhiệm vụ quy hoạch Thành phố, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt.

3. Đối với chương trình, dự án thuộc thẩm quyền quyết định đầu tư của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã: Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức thực hiện công tác lập, thẩm định, phê duyệt theo quy định theo Điều 44 Luật Đầu tư công.

Điều 14. Thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi, Báo cáo kinh tế - kỹ thuật

1. Đối với các dự án bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích cấp tỉnh, di tích trong Danh mục kiểm kê di tích có cấu phần xây dựng: Sở Văn hóa và Thể thao tổ chức thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi, Báo cáo kinh tế - kỹ thuật thuộc thẩm quyền của cơ quan chuyên môn có chức năng thẩm định và người quyết định đầu tư theo quy định.

2. Đối với chương trình, dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C sử dụng vốn đầu tư công thuộc ngân sách Thành phố có cấu phần xây dựng, trừ các dự án được quy định tại khoản 1, khoản 4 Điều này: Các cơ quan chuyên môn về xây dựng theo lĩnh vực được quy định tại Điều 4 Quy định này tổ chức thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng, Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng của người quyết định đầu tư theo quy định tại Điều 15 Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ; đồng thời, thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng của cơ quan chuyên môn về xây dựng theo quy định tại Điều 16 Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ.

3. Đối với chương trình, dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C sử dụng vốn đầu tư công thuộc ngân sách Thành phố không có cấu phần xây dựng, trừ các dự án được quy định tại khoản 4 Điều này:

a) Hội đồng thẩm định các chương trình, dự án đầu tư công do Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố thành lập tổ chức thẩm định đối với các dự án nhóm A;

b) Cơ quan chuyên môn về đầu tư công tổ chức thẩm định đối với các dự án nhóm B, nhóm C theo lĩnh vực được quy định tại khoản 1 Điều 6 của Quy định này.

4. Đối với chương trình, dự án nhóm B, nhóm C sử dụng vốn đầu tư công thuộc thẩm quyền quyết định đầu tư của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã và các dự án đã được Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố ủy quyền cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định đầu tư (nếu có): Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức thực hiện theo quy định tại Điều 43 Luật Đầu tư công; cơ quan được giao quản lý xây dựng thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện việc thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi, Báo cáo kinh tế - kỹ thuật (bao gồm việc thẩm định của người quyết định đầu tư theo quy định tại Điều 15 Nghị định số

175/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ và việc thẩm định của cơ quan chuyên môn về xây dựng theo quy định), thẩm định thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở của dự án.

5. Đối với chương trình, dự án sử dụng vốn từ nguồn thu hợp pháp của các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập dành để đầu tư thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp quyết định đầu tư:

a) Đối với dự án nhóm A có cấu phần xây dựng thuộc thẩm quyền quyết định đầu tư của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố: giao các cơ quan chuyên môn về xây dựng theo lĩnh vực được quy định tại Điều 4 Quy định này tổ chức thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng, Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng của người quyết định đầu tư theo quy định tại Điều 15 Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ; đồng thời, thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng của cơ quan chuyên môn về xây dựng theo quy định tại Điều 16 Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ;

b) Đối với dự án nhóm A không có cấu phần xây dựng thuộc thẩm quyền quyết định đầu tư của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố: Hội đồng thẩm định các chương trình, dự án đầu tư công do Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố thành lập tổ chức thẩm định theo quy định;

c) Đối với chương trình, dự án nhóm B, C thuộc thẩm quyền quyết định đầu tư của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố: thực hiện theo quy định tại khoản 1, 2, 3 Điều này;

d) Đối với chương trình, dự án của các cơ quan nhà nước, các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã: Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức thẩm định theo quy định tại Điều 17 Nghị định số 85/2025/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ.

6. Sở Nông nghiệp và Môi trường tổ chức thẩm định đối với dự án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng được tách thành dự án độc lập theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 6 Luật Đầu tư công và quy định tại khoản 2 Điều 72 Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, trừ các dự án do Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định chủ trương đầu tư.

7. Các cơ quan được giao nhiệm vụ thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi, Báo cáo kinh tế - kỹ thuật tại khoản 1 đến khoản 6 Điều này là cơ quan, tổ chức thẩm định

điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi, Báo cáo kinh tế - kỹ thuật trong trường hợp phải thực hiện điều chỉnh quyết định đầu tư dự án.

Chương IV

KIỂM TRA, GIÁM SÁT, ĐÁNH GIÁ ĐẦU TƯ

Điều 15. Kiểm tra, giám sát, đánh giá đầu tư

1. Đối với dự án thuộc thẩm quyền quyết định đầu tư của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố và các dự án do Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố ủy quyền quyết định đầu tư (nếu có): Cơ quan thẩm định dự án theo quy định Điều 14 của Quy định này hoặc Cơ quan thường trực Hội đồng thẩm định (đối với các dự án do Hội đồng thẩm định tổ chức thẩm định) tổ chức theo dõi, kiểm tra, giám sát, đánh giá đầu tư chương trình, dự án theo quy định tại Điều 75, Điều 76, Điều 80 Luật Đầu tư công.

2. Đối với dự án thuộc thẩm quyền quyết định đầu tư của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã: Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức theo dõi, kiểm tra, giám sát, đánh giá đầu tư dự án theo quy định tại Điều 75, Điều 76, Điều 80 Luật Đầu tư công.

Chương V

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 16. Quy định chuyển tiếp

1. Việc chuyển tiếp các chương trình, dự án, nhiệm vụ thực hiện theo quy định tại Điều 103 Luật Đầu tư công, Điều 54 Nghị định số 85/2025/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ và các văn bản hướng dẫn có liên quan.

2. Đối với các nhiệm vụ, chương trình, dự án đã được giao nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư để lập hồ sơ trình quyết định chủ trương đầu tư, quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư tại các Quyết định giao nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố trước ngày Quy định này có hiệu lực nhưng chưa được cấp có thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư, quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư, trong trường hợp cần thiết thực hiện việc điều chỉnh quyết định giao nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư thì việc điều chỉnh được thực hiện theo Quy định này.

3. Đối với các nhiệm vụ, chương trình, dự án đã hoàn thành thủ tục lập, thẩm định, đã trình cấp có thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư, điều chỉnh chủ trương đầu tư, quyết định đầu tư dự án, điều chỉnh quyết định đầu tư dự án, dự toán nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư, điều chỉnh dự toán nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư tại cơ quan có thẩm quyền theo quy định tại Quyết định số 19/2021/QĐ-UBND ngày 18 tháng 6 năm 2021 và Quyết định số 23/2024/QĐ-UBND ngày 17 tháng 5 năm 2024 của Ủy ban nhân dân Thành phố trước ngày Quy định này có hiệu lực thì cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định theo quy định tại Quyết định số 19/2021/QĐ-UBND ngày 18 tháng 6 năm 2021 và Quyết định số 23/2024/QĐ-UBND ngày 17 tháng 5 năm 2024 của Ủy ban nhân dân Thành phố.

4. Đối với các nhiệm vụ, chương trình, dự án đã hoàn thành thủ tục lập, đã trình thẩm định chủ trương đầu tư, điều chỉnh chủ trương đầu tư, quyết định đầu tư dự án, điều chỉnh quyết định đầu tư dự án, dự toán nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư, điều chỉnh dự toán nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư tại cơ quan có thẩm quyền theo quy định tại Quyết định số 19/2021/QĐ-UBND ngày 18 tháng 6 năm 2021 và Quyết định số 23/2024/QĐ-UBND ngày 17 tháng 5 năm 2024 của Ủy ban nhân dân Thành phố trước ngày Quy định này có hiệu lực, các cơ quan thẩm định theo thẩm quyền quy định tại Quy định này.

5. Về thẩm quyền quyết định đầu tư, phê duyệt dự toán nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư, nhiệm vụ quy hoạch đối với các dự án, nhiệm vụ đã được Hội đồng nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp huyện hoặc Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định và được Ủy ban nhân dân Thành phố giao Ủy ban nhân dân cấp xã làm chủ đầu tư sau khi tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp:

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn, thẩm quyền của cấp quyết định đầu tư chương trình, dự án đầu tư công tại điểm a khoản 3 Điều 7 Nghị định số 125/2025/NĐ-CP ngày 11 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ.

b) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn, thẩm quyền của cấp phê duyệt dự toán nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư, nhiệm vụ quy hoạch tại điểm c khoản 3 Điều 7 Nghị định số 125/2025/NĐ-CP ngày 11 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ.

Điều 17. Tổ chức thực hiện

1. Thủ trưởng các Sở, Ban ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường và

đặc khu, cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân được quy định tại Điều 2 có trách nhiệm tổ chức thực hiện theo đúng Quy định này.

2. Cơ quan, đơn vị nhận phân cấp tại Quy định này thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân cấp theo đúng Quy định này, Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2025 và các quy định có liên quan.

3. Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu phát sinh khó khăn vướng mắc, các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan báo cáo về Sở Tài chính.

4. Sở Tài chính là cơ quan tham mưu cho Ủy ban nhân dân Thành phố triển khai thực hiện Quy định này, làm đầu mối tổng hợp báo cáo, vướng mắc và đề xuất Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, giải quyết.

5. Khi các quy định được dẫn chiếu để áp dụng tại Quy định này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản mới: áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế./.